

Bản án số: 98/2023/HS-ST
Ngày 01-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm A Hùng

Bà Cao Thị Hạ - nguyên là giáo viên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Võ Mai Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2023, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 130/2023/HSST-QĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn A, sinh năm 2003 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 23 Ngô Quyền, TDP Trung Dũng, thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng Phú và bà Lương Thị Mến; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 chuyển tạm giam; áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 13/10/2022; có mặt.

2. Phạm Văn B, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2005 tại Hải Phòng (khi phạm tội 17 tuổi 06 tháng 27 ngày). Nơi cư trú: Thọ Xuân 1, thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Tiến và bà Đỗ Thị Chanh; chưa có vợ, con; tiền án, tiền

sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Trần Văn C, sinh năm 2003 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Lão Phong 2, xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Nhài và bà Ngô Thị Huệ; chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án tại Bản án số 73/2022/HS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng về tội Gây rối trật tự công cộng; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 chuyển tạm giam; áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 12/12/2022; có mặt.

4. Bùi Đức D, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2004. Nơi cư trú: Thôn Khúc Giản, xã An Tiến, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Thương và bà Lương Thị Hà; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Phạm Thế Đ, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2004 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đương Thắng, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thế Song và bà Đoàn Thị Vượng; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Đỗ Minh E, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2004 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Nghi M, xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ A Hà và bà Nguyễn Thị Hương; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Tăng Xuân F, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2004 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: TDP Hoàng Xá, thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Văn Quyết và bà Trịnh Thị Hà; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24 tháng 8 năm 2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Nguyễn Đăng G, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2006 tại Hải Phòng (khi phạm tội 16 tuổi 06 tháng 06 ngày). Nơi cư trú: Thôn Nghi M, xã Ngũ Phúc,

huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng Mùi và bà Nguyễn Thị Chính; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 chuyển tạm giam; áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 13/10/2022; có mặt.

9. Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2006 tại Hải Phòng (khi phạm tội 16 tuổi 04 tháng 21 ngày). Nơi cư trú: Thôn Thọ Linh, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Thoan và bà Vũ Thị Ngọc; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 15/10/2022 đến ngày 21/10/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Nguyễn Văn I, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2004 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Nghi M, xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Hòa và bà M Thị Hiền; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. Nguyễn Đức J, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2006 tại Hải Phòng (khi phạm tội 16 tuổi 01 tháng 04 ngày). Nơi cư trú: Thôn Đại Trà, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tùng và bà Nguyễn Thị Nguyệt; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

12. Trần Văn K, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2006 tại Hải Phòng (khi phạm tội 16 tuổi 03 tháng 16 ngày). Nơi cư trú: Thôn Cốc Liễn, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Nhị và bà Phạm Thị Lan; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

13. Lê Đức L, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2005 tại Hải Phòng (khi phạm tội 16 tuổi 11 tháng 24 ngày). Nơi cư trú: Thôn Kim Đới 1, xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Thành và bà Ngô Thị Hiền; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 chuyển tạm giam; áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 13/10/2022; có mặt.

14. Tăng Xuân M, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2004 tại Hải Phòng (khi phạm tội 17 tuổi 08 tháng 28 ngày). Nơi cư trú: Thôn 5, xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Xuân Hiệt và bà Nguyễn Thị Vui; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

15. Nguyễn Văn N, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2005 tại Hải Phòng (khi phạm tội 16 tuổi 11 tháng 23 ngày). Nơi cư trú: Thôn Nghi M, xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Inh và bà Nguyễn Thị Yên; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

16. Nguyễn Bá Q, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2006 tại Hải Phòng (khi phạm tội 16 tuổi 12 ngày). Nơi cư trú: Thôn Ngọc Tĩnh, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Liên; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

17. Phạm Quốc O, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2006 tại Hải Phòng (khi phạm tội 16 tuổi 04 tháng 21 ngày). Nơi cư trú: Thôn Thọ Linh, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Thư và bà Phạm Thị Huyền; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; ngày 10/02/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

18. Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2005 tại Hải Phòng (khi phạm tội 17 tuổi 05 tháng 11 ngày). Nơi cư trú: Thôn Cẩm Hoàn, xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tiến và bà Ngô Thị Hiên; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 24/8/2022 đến ngày 30/8/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

19. Lương Trung R, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2004 tại Hải Phòng (khi phạm tội 17 tuổi 10 tháng 09 ngày). Nơi cư trú: Thôn Trâm Khê, xã Đại Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Khoa và bà Quách Thị Khuyên; chưa có vợ, con; tiền

án, tiền sự: không; ngày 10/02/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

20. Phạm Anh S, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2004 tại Hải Phòng (khi phạm tội 17 tuổi 07 tháng 24 ngày). Nơi cư trú: TDP Hoàng Xá, thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đ Trung và bà Vũ Thị Tuyết; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

21. Đỗ Văn T, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2005 tại Hải Phòng (khi phạm tội 16 tuổi 10 tháng 24 ngày). Nơi cư trú: Thôn Đồng Xuân, xã Trường Thọ, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Đoàn và bà Đỗ Thị Xuyên; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/8/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức J*: Ông Nguyễn Văn Tùng và bà Nguyễn Thị Nguyệt, là bố và mẹ đẻ của bị cáo; nơi cư trú: Thôn Đại Trà, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; ông Toàn có mặt, bà Nguyệt vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Bá Q*: Ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Liên, là bố mẹ đẻ của bị cáo; nơi cư trú: Thôn Ngọc Tinh, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; bà Liên có mặt, ông Dũng vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hoàng H*: Ông Nguyễn Văn Thoan và bà Vũ Thị Ngọc, là bố và mẹ đẻ của bị cáo; nơi cư trú: Thôn Thọ Linh, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; ông Thoan có mặt, bà Ngọc vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đăng G*: Ông Nguyễn Đăng Mùi và bà Nguyễn Thị Chính, là bố và mẹ đẻ của bị cáo; nơi cư trú: Thôn Nghi M, xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Văn T*: Ông Đỗ Văn Đoàn và bà Đỗ Thị Xuyên, là bố và mẹ đẻ của bị cáo; nơi cư trú: Thôn Đồng Xuân, xã Trường Thọ, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; ông Đoàn có mặt, bà Xuyên vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Quốc O*: Ông Phạm Văn Thu và bà Phạm Thị Huyền, là bố và mẹ đẻ của bị cáo; nơi cư trú: Thôn Thọ Linh, xã

Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; bà Huyền có mặt, ông Thu vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn N:* Ông Nguyễn Văn Inh và bà Nguyễn Thị Yến, là bố và mẹ đẻ của bị cáo; nơi cư trú: Thôn Nghi M, xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; ông Huynh có mặt, bà Yến vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Đức L:* Ông Lê Văn Thành và bà Ngô Thị Hiền, là bố và mẹ đẻ của bị cáo; nơi cư trú: Thôn Kim Đới 1, xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; bà Hiền có mặt, ông Thành vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn K:* Ông Trần Văn Nhị và bà Phạm Thị Lan, là bố và mẹ đẻ của bị cáo; nơi cư trú: Thôn Cốc Liễn, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; bà Lan có mặt, ông Nhị vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức J và bị cáo Nguyễn Bá Q:* Ông Phạm D Khoa, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng P và bị cáo Nguyễn Hoàng H:* Bà Vũ Thị Minh E, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đăng G và bị cáo Phạm Vân B:* Bà Đoàn Thị Huế, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn T, bị cáo Phạm Anh S và bị cáo Phạm Quốc O:* Bà Trương Thị Hòa, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Lê Đức L:* Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn K và Tăng Xuân M:* Ông Trần Minh Nghĩa, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Phạm Đức Điền; địa chỉ: Thôn Lạng Côn, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Hoàng Xuân Trường; địa chỉ: Thôn Sâm Linh, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Phạm Đ Thành; địa chỉ: Thôn Lạng Côn, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đức D; địa chỉ: Thôn Đại Trà, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nơi bị cáo Nguyễn Đức J sinh hoạt); vắng mặt;

- Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nơi bị cáo Nguyễn Bá Q sinh hoạt); vắng mặt;

- Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nơi bị cáo Nguyễn Hoàng H, Phạm Quốc O, Trần Văn K sinh hoạt); vắng mặt;

- Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nơi bị cáo Nguyễn Đăng G, Nguyễn Văn N sinh hoạt); vắng mặt;

- Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Trường Thọ, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (nơi bị cáo Đỗ Văn T sinh hoạt); vắng mặt;

- Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nơi bị cáo Lê Đức L sinh hoạt); vắng mặt;

- Đại diện Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương II; địa chỉ: Phía F cầu Kiến An, Hồng Thi, An M, Hải Phòng (nơi bị cáo Nguyễn Văn N học tập); vắng mặt;

- Đại diện Trường THPT An Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Xã An Tiến, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (nơi bị cáo Đỗ Văn T học tập); vắng mặt;

- Đại diện Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Khi Cẩm Xuân, thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nơi bị cáo Nguyễn Hoàng H học tập); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn trên mạng xã hội Facebook với Bùi Xuân Lộc và Bùi Đ Kha nên khoảng 20h ngày 13/8/2022, Nguyễn Đăng G nhắn tin rủ Đỗ Minh E, Nguyễn Văn I, Lê Đức L, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đức J, Tăng Xuân M,

Nguyễn Đức D, tập trung đi tìm nhóm của Lộc, Kha để đánh nhau và cùng tập trung tại khu vực gần Trường THPT xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy.

Trước khi đi L ra quán nước ở khu vực gần ngã 3 Đa Phúc, quận M Kinh lấy vỏ chai thủy tinh để vào trong balô mang theo rồi phát cho những người trong nhóm để làm vũ khí đi đánh nhau. Sau đó, nhóm của Đạt di chuyển bằng xe mô tô hướng về khu vực Trung tâm huyện Kiến Thụy thì gặp nhóm của Phạm Vân B, Trần Văn K, Phạm Thế Đ, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Hoàng P, Phạm Quốc O, Nguyễn Bá Q, Trần Văn C, Hoàng Xuân Trường, Phạm Đức Điền, Phạm Đ Thành cùng một số đối tượng chưa rõ nhân thân, lai lịch.

Do quen biết, cả hai nhóm đã nhập thành một nhóm để đi tìm nhóm Lộc và Kha nhưng không tìm được. Tất cả điều khiển xe mô tô đi quanh khu vực trung tâm huyện Kiến Thụy, khi đi đến địa bàn xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy thì thấy một nhóm nam thanh niên nghi là nhóm Lộc và Kha nên nhóm của Đạt đã cầm vỏ chai thủy tinh ném về phía nhóm thanh niên trên nhưng không trúng. Khi nhóm đối phương bỏ chạy, nhóm B và Đạt tiếp tục rủ nhau sang khu vực nội thành gặp nhóm nào đi đua xe thì đánh nhau. Khi đi đến khu vực gần ngã 3 Đa Phúc, quận M Kinh hướng về quận Kiến An thì Phạm Đ Thành xuống xe nhặt một két vỏ chai ở ven đường rồi phát cho những đối tượng trong nhóm cầm làm vũ khí.

Lúc này, Nguyễn Đức D điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn I và Nguyễn Đăng G ngồi sau cầm vỏ chai thủy tinh, Lưu Đức Thắng điều khiển xe mô tô chở Phạm Vân B cầm theo 01 giáo chọc (của đối tượng tên Lợi - sinh năm: 2003, không rõ địa chỉ cụ thể mang đến), Phạm Quốc O điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Hoàng H cầm theo 01 thanh kiếm (lấy từ nhà bạn Hoàng Anh mang đi), Phạm Thế Đ điều khiển xe mô tô chở Trần Văn K ngồi sau cầm vỏ chai thủy tinh, Trần Văn C điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Bá Q và Hoàng Xuân Trường ngồi sau cầm vỏ chai thủy tinh, Phạm Đức Điền điều khiển xe mô tô chở Phạm Đ Thành ngồi sau cầm vỏ chai thủy tinh; Nguyễn Đức J điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn N và Tăng Xuân M ngồi sau cầm vỏ chai thủy tinh; Nguyễn Hoàng P điều khiển xe mô tô chở Đỗ Minh E và Lê Đức L ngồi sau cầm vỏ chai thủy tinh. Sau đó, các đối tượng tiếp tục di chuyển về hướng ngã 5 Kiến An.

Cùng thời gian trên, Nguyễn Văn A rủ bạn là Lương Trung R, Tăng Xuân F, Phạm Anh S, Bùi Đức D, Đỗ Văn T và đối tượng Tú (chưa rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô từ ngã 5, phường Quán Trữ, quận Kiến An trên các tuyến đường, gặp nhóm nam thanh niên nào đua xe thì sẽ đánh nhau. Trước khi đi Tú là người phân phát các vỏ chai thủy tinh. Các đối tượng di chuyển từ khu vực ngã 5 Kiến An - Nguyễn Lương Bằng - Trường Chinh - đường Bùi Viện - Cầu Rào 2 - Phạm Văn Đồng - ngã ba Đa Phúc. Khi đi đến gần ngã ba Đa Phúc,

quận M Kinh thì gặp nhóm của Nguyễn Đăng G và Phạm Vân B, 02 nhóm dùng các vỏ chai thủy tinh ném về phía nhau. F mở cốp xe mô tô lấy 01 con dao mèo đưa cho Thanh đuổi theo nhóm của Nguyễn Đăng G và Phạm Vân B.

Cả hai nhóm đuổi nhau về hướng ngã 5, phường Quán Trữ, quận Kiến An thì bị Tổ công tác HP22 Công an thành phố Hải Phòng phối hợp với Công an quận Kiến An bắt quả tang, bắt giữ Nguyễn Đức J, Tăng Xuân F và Phạm Anh S. Thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu SH Mode màu đỏ, biển kiểm soát 15F1 - 283.32, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu trắng đen biển kiểm soát 15B4 - 184.70, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đen biển kiểm soát 15D1 - 398.04, 01 vỏ đựng chai thủy tinh bằng nhựa màu xanh nhãn hiệu PEPSI bên trong chứa 10 chai thủy tinh nhãn hiệu Sting.

Trong quá trình bắt giữ các đối tượng khác đã bỏ chạy thoát, sau đó lần lượt đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đầu thú.

Về vật chứng của vụ án: Một xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển kiểm soát 15D1 - 398.04; 01 vỏ đựng chai thủy tinh bằng nhựa màu xanh nhãn Pepsi, trong chứa 10 vỏ chai thủy tinh nhãn hiệu Sting chuyển Cục thi hành án dân sự thành phố quản lý phục vụ việc xét xử.

Tại Cáo trạng số 59/CT-VKS-P2 ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Nguyễn Văn A, Phạm Vân B, Trần Văn C, Bùi Đức D, Phạm Thế Đ, Đỗ Minh E, Tăng Xuân F, Nguyễn Đăng G, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Văn I, Nguyễn Đức J, Trần Văn K, Lê Đức L, Tăng Xuân M, Nguyễn Văn N, Nguyễn Bá Q, Phạm Quốc O, Nguyễn Hoàng P, Lương Trung R, Phạm Anh S và Đỗ Văn T đồng phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Phạm Đức Điền khi phạm tội 15 tuổi 9 tháng, Hoàng Xuân Trường khi phạm tội 14 tuổi 10 tháng 8 ngày, Phạm Đ Thành khi phạm tội 15 tuổi 10 tháng 28 ngày và Nguyễn Đức Huy khi phạm tội 15 tuổi 8 tháng 18 ngày nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Gây rối trật tự công cộng, Cơ quan điều tra lập hồ sơ chuyển xử lý hành chính.

Đối với Bùi Đ Kha và Bùi Xuân Lộc khai nhận sau khi hẹn nhóm của Nguyễn Đăng đánh nhau vào tối ngày 13/8/2022 ở khu vực Công viên Trung tâm huyện Kiến Thụy nhưng do biết nhóm của Đạt đông người và lo sợ bị đánh nên Kha và Lộc đã không tham gia vào việc đi tìm nhóm Đạt để đánh nhau nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với Lưu Đức Thắng, vắng mặt tại địa phương, cơ quan điều tra xử lý sau.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản bắt người quả tang, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A, Phạm Văn B, Trần Văn C, Bùi Đức D, Phạm Thế Đ, Đỗ Minh E, Tăng Xuân F, Nguyễn Đăng G, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Văn I, Nguyễn Đức J, Trần Văn K, Lê Đức L, Tăng Xuân M, Nguyễn Văn N, Nguyễn Bá Q, Phạm Quốc O, Nguyễn Hoàng P, Lương Trung R, Phạm Anh S và Đỗ Văn T đồng phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 318; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp với 24 tháng tù của bản án số 73 ngày 27/6/2022 của TAND thành phố, tổng cộng từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 58, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H từ 18 đến 24 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 65, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng G từ 27 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, 54 đến 60 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, 60 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Minh E từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, 48 đến 60 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn I từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, 48 đến 60 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Tăng Xuân F từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, 48 đến 60 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 58, 65, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Đức L từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, 36 đến 48 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 54, 58, 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thế Đ từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, 36 đến 48 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 54, 58, 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Đức D từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, 30 đến 36 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 318; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 58, 65, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, 30 đến 36 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 58, 65, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn K từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, 30 đến 36 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 58, 65, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, 30 đến 36 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 58, 65, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đức J từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, 30 đến 36 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 58, 65, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Tăng Xuân M từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, 30 đến 36 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 58, 65, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, 30 đến 36 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 58, 65, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Q từ 15 đến 18

tháng tù cho hưởng án treo, 30 đến 36 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 58, 65, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Quốc O từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, 30 đến 36 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 58, 65, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lương Trung R từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, 30 đến 36 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 58, 65, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Anh S từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, 24 đến 30 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 58, 65, 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, 24 đến 30 tháng thử thách về tội Gây rối trật tự công cộng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ đựng chai thủy tinh bằng nhựa màu xanh nhãn Pepsi, trong chứa 10 vỏ chai thủy tinh nhãn hiệu Sùng. Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển kiểm soát 15D1 - 398.04 của bị cáo Tăng Xuân F.

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận.

Người đại diện hợp pháp của các bị cáo dưới 18 tuổi đồng ý với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Người bào chữa cho các bị cáo cùng đồng ý với Viện Kiểm nhân dân thành phố Hải Phòng về việc truy tố các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ Luật Hình sự bởi lẽ hành vi mà các bị cáo thực hiện đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo là vi phạm pháp luật, tuy nhiên do các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá đến nguyên nhân, hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự vì các bị cáo đều phạm tội với vai trò thứ yếu. Sau khi phạm tội các bị cáo Trần Văn K, Tăng Xuân M, Nguyễn Bá Q, Nguyễn Đăng G, Phạm Văn B, Đỗ Văn T đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố để đầu thú. Bị cáo Trần Văn K có ông nội là Trần Văn Mưu là người có công với cách mạng được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo Tăng Xuân M có ông nội là Tăng Xuân Đình đã từng tham gia S đội bảo vệ Tổ quốc; gia đình bà ngoại bị cáo M hiện đang thờ cúng liệt sĩ Phạm Tiến Độ đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Bị cáo Nguyễn Đức J có ông ngoại là Nguyễn Đức N từng tham gia S ngũ và được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo Hoàng B có thành tích tích cực trong việc tham gia công tác phòng chống dịch Covid 19 năm 2021 tại xã Thanh Sơn. Bị cáo Hoàng Anh có cụ nội và cụ ngoại là người có công với cách mạng, bản thân bị cáo có thành tích trong quá trình học tập tại Trường THPT Nguyễn Huệ được tặng thưởng Giấy Khen. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo trên.

Các bị cáo Trần Văn K, Tăng Xuân M, Nguyễn Hoàng P, Phạm Quốc O, Phạm Anh S, Nguyễn Đức J, Nguyễn Bá Q, Nguyễn Đăng G, Phạm Văn B, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn N, Lê Đức L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt thấp hơn mức thấp nhất của khung hình phạt. Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng H: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với bị cáo Hoàng Anh ở mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát. Các bị cáo Trần Văn K, Tăng Xuân M, Nguyễn Hoàng P, Phạm Quốc O, Phạm Anh S, Nguyễn Đức J, Nguyễn Bá Q, Nguyễn Đăng G, Phạm Văn B, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn N, Lê Đức L có đủ điều kiện để được xem xét áp dụng hưởng án treo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho các bị cáo trên được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát đối đáp: Không chấp nhận về việc người bào chữa cho các bị cáo đề nghị xem xét thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và chấp nhận về việc người bào chữa cho các bị cáo đề nghị áp dụng khoản 1 Điều

54 của Bộ luật Hình sự về việc quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo **Lê Đức L, Nguyễn Hoàng P, Trần Văn K, Phạm Văn B, Nguyễn Đức J, Tăng Xuân M, Nguyễn Văn N, Nguyễn Bá Q, Phạm Quốc O, Phạm Anh S, Đỗ Văn T**. Giữ nguyên ý kiến luận tội và nội dung bản cáo trạng đã truy tố về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Về hình phạt đối với các bị cáo, Viện Kiểm sát đã đánh giá J diện về tính chất mức độ hành vi, vai trò đồng phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, do đó mức án Viện Kiểm sát đề nghị là phù hợp đối với từng bị cáo.

Không ai đòi đáp thêm.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái và rất ăn năn, hối cải mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay kE nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

[2.1] Do có mâu thuẫn với Bùi Xuân Lộc và Bùi Đ Kha nên khoảng 20h ngày 13/8/2022, tại các tuyến đường trên địa bàn huyện Kiến Thụy, quận M Kinh, quận Lê Chân và quận Kiến An, Nguyễn Đức J, Trần Văn C, Nguyễn Bá Q, Trần Văn K, Phạm Thế Đ, Tăng Xuân M, Nguyễn Văn N, Lê Đức L, Nguyễn Đăng G, Nguyễn Văn I, Đỗ Minh E, Phạm Văn B, Nguyễn Văn A, Đỗ Văn T, Tăng Xuân F, Bùi Đức Huy, Phạm Anh S, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Hoàng H, Phạm Quốc O và Lương Trung R điều khiển xe mô tô không đội mũ bảo hiểm, mang theo hung khí gồm giáo chọc, kiếm, dao mào, vỏ chai thủy tinh, chạy với tốc độ cao, lạnh lách, hò hét, ném vỏ chai thủy tinh...tại các quận Kiến An, M Kinh, Lê Chân và huyện Kiến Thụy.

[2.2] Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến an J công cộng, gây mất an ninh trật tự. Do vậy, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo phạm tội “Gây

rối trật tự công cộng” theo quy định tại Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Các bị cáo tập trung đông người, chuẩn bị các hung khí là giáo chọc, kiếm, dao mào, vỏ chai thủy tinh là những hung khí nguy hiểm gây náo loạn chỗ đông người nên phải chịu tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về vai trò phạm tội:

[4.1] Các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Nhưng cần xem xét vai trò đồng phạm của từng bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với mỗi bị cáo để phân hoá tội phạm cũng như áp dụng mức hình phạt tương xứng theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Đối với bị cáo Nguyễn Đăng G và Nguyễn Văn A: Bị cáo Đạt có mâu thuẫn với Bùi Xuân Lộc và Bùi Đ Kha, đã khởi xướng rủ các bị cáo khác tập trung đi tìm nhóm Kha và Lộc để đánh nhau, trực tiếp cầm hung khí là vỏ chai thủy tinh. Bị cáo A rủ bị cáo Lương Trung R, Tăng Xuân F và đối tượng Tú (chưa rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe trên các tuyến đường, gặp nhóm thanh niên nào đưa xe thì sẽ đánh nhau. Khi nhóm của A gặp nhóm của Đạt, hai nhóm dùng các vỏ chai thủy tinh ném về phía nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò phạm tội của bị cáo Nguyễn Đăng G và Nguyễn Văn A là ngang nhau.

[4.3] Bị cáo Phạm Văn B: là người cầm đầu của một nhóm, rủ các đối tượng trong nhóm chạy xe mô tô trên đường, nếu gặp các nhóm khác có xích mích sẽ đánh nhau, bản thân bị cáo cầm theo một giáo chọc nên vai trò của bị cáo đứng sau bị cáo Nguyễn Đăng G và Nguyễn Văn A.

[4.4] Đối với bị cáo Lê Đức L và Tăng Xuân F: Hai bị cáo là người chuẩn bị vỏ chai thủy tinh để trong ba lô rồi phát cho những người trong nhóm để làm vũ khí đánh nhau, trực tiếp cầm vỏ chai thủy tinh ngồi sau xe do Nguyễn Hoàng P điều khiển. Bị cáo Tăng Xuân F chuẩn bị một con dao mào để trong cốp xe đưa cho Tăng Xuân Thanh đuổi theo nhóm của Nguyễn Đăng G nên vai trò của bị cáo L và F là ngang nhau và thấp hơn bị cáo Đạt và A.

[4.5] Đối với bị cáo Nguyễn Văn I có hành vi cầm vỏ chai thủy tinh, bị cáo Phạm Quốc O điều khiển xe mô tô chở bị cáo Nguyễn Hoàng H cầm theo 01 thanh kiếm (lấy từ nhà bạn Hoàng Anh mang đi). Bị cáo Phạm Thế Đ điều khiển xe mô tô chở bị cáo Trần Văn K ngồi sau cầm vỏ chai thủy tinh. Bị cáo Trần Văn C điều khiển xe mô tô chở bị cáo Nguyễn Bá Q ngồi sau cầm vỏ chai thủy tinh. Bị cáo Nguyễn Đức J điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn N và Tăng Xuân M ngồi sau cầm vỏ chai thủy tinh. Bị cáo Nguyễn Hoàng P điều khiển xe

mô tô chở Đỗ Minh E và Lê Đức L ngồi sau cầm vô chai thủy tinh. Bị cáo Lương Trung R tiếp nhận con dao mèo từ Tăng Xuân F đuổi theo nhóm của Nguyễn Đăng G. Do vậy, hành vi của các bị cáo có tên nêu trên là ngang nhau nhưng thấp hơn bị cáo A, Đạt, Vân B, L và F.

[4.6] Các bị cáo Phạm Anh S, Bùi Đức D, Đỗ Văn T có hành vi lạng lách xe mô tô, hò hét là đồng phạm với các bị cáo nhưng không sử dụng hung khí nên vai trò ngang nhau và thấp hơn.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn C phạm tội trong thời gian thử thách nên phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự quy định về tái phạm. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Bá Q, Trần Văn K, Phạm Thế Đ, Tăng Xuân M, Nguyễn Văn N, Lê Đức L, Nguyễn Đăng G, Nguyễn Văn I, Đỗ Minh E, Phạm Vân B, Nguyễn Văn A, Đỗ Văn T, Bùi Đức D, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Hoàng H sau khi phạm tội đã đến Cơ quan điều tra đầu thú, do vậy được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Bị cáo Nguyễn Hoàng H trong thời gian học tập tại trường được tặng nhiều giấy khen, có ông nội tham gia S đội là bệnh binh, được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba; bị cáo Trần Văn K có ông nội tặng huân chương kháng chiến hạng nhì; bà ngoại bị cáo Tăng Xuân M đang thờ cúng liệt sỹ nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Trần Văn K, Nguyễn Đức J, Tăng Xuân M, Nguyễn Bá Q, Phạm Vân B, Lê Đức L, Nguyễn Văn N, Phạm Quốc O, Lương Trung R, Phạm Anh S, Đỗ Văn T, Nguyễn Đăng G, Nguyễn Hoàng H, Trần Văn K, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hoàng P, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

[5.3] Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo về việc đề nghị xem xét thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, bởi lẽ các bị cáo bị xét xử về tội phạm nghiêm trọng, các bị cáo là đồng phạm tội Gây rối trật tự công cộng. Tuy chưa có hậu quả xảy ra nhưng các bị cáo khi phạm tội hầu hết đều cầm theo hung khí nguy hiểm, hành

vi của các bị cáo kịp thời bị cơ quan Công an phát hiện, ngăn chặn kịp thời nên mới không xảy ra hậu quả. Mặt khác, hành vi của các bị cáo gây náo loạn chỗ đông người, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong đời sống nhân dân nên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng về tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo. **Ngoài ra xét thấy các bị cáo không đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự nên không chấp nhận yêu cầu này của người bào chữa cho các bị cáo.**

[6] Về hình phạt:

[6.1] Bị cáo Trần Đức C đã bị xử phạt 24 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 73/2022/HS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhưng bị cáo không tích cực cải tạo để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, tiếp tục phạm tội mới nên cần có hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo. Đồng thời buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[6.1] Bị cáo Nguyễn Hoàng H bị Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị xử phạt 05 (năm) năm tù tại **Bản án số 26/2023/HS-ST ngày 09/5/2023**, cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo không nghiêm túc nên cũng cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 101 đối với bị cáo và xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do **Bản án số 26/2023/HS-ST ngày 09/5/2023** của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng chưa có hiệu lực pháp luật nên chưa tổng hợp hình phạt của bản án mới theo Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Anh.

[6.3] Các bị cáo khác, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này các bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, các bị cáo có khả năng tự cải tạo, do vậy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an J xã hội nên sẽ giao các bị cáo này cho Ủy ban nhân dân xã, phường nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục.

[6.4] Về hình phạt đối với các bị cáo khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi sẽ được xem xét áp dụng hình phạt thấp hơn các bị cáo đã đủ 18 tuổi. Những bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ sẽ được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

[7] Về vật chứng: Giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

[7.1] Một vỏ đựng chai thủy tinh bằng nhựa màu xanh nhãn Pepsi, trong chứa 10 vỏ chai thủy tinh nhãn hiệu Sting sử dụng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển kiểm soát 15D1 - 398.04 của bị cáo Tăng Xuân F đã sử dụng vào việc phạm tội vẫn còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Đối với những bị cáo **tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm** chưa đủ 18 tuổi thì người đại diện hợp pháp của các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm thay cho các bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo dưới 18 tuổi, người bào chữa cho các bị cáo dưới 18 tuổi, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

1.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn C 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp với hình phạt 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án số 73/2022/HS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 54 (năm mươi tư) tháng tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ vào thời tạm giữ, tạm giam (từ ngày 16/8/2022 đến ngày 11/12/2022).

Cấm bị cáo Trần Văn C đi khỏi nơi cư trú. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo Trần Văn C chấp hành án phạt tù.

1.2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H 18 (mười tám) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/10/2022 đến ngày 21/10/2022.

Cấm bị cáo Nguyễn Hoàng H đi khỏi nơi cư trú. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo Nguyễn Hoàng H chấp hành án phạt tù.

1.3. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn A 30 (ba mươi) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn A cho Ủy ban nhân dân thị trấn An Lão, huyện An Lão, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.4. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng G 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 54 (năm mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đăng G cho Ủy ban nhân xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.5. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Tăng Xuân F 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tăng Xuân F cho Ủy ban nhân dân thị trấn An Lão, huyện An Lão, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.6. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đức L 18 (mười tám) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Đức L cho Ủy ban nhân dân xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người

bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.7. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn I 18 (mười tám) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn I cho Ủy ban nhân dân xã Ngũ Phúc, quận M Kinh, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.8. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đỗ Minh E 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Minh E cho Ủy ban nhân dân xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.9. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Thế Đ 18 (mười tám) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.10. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn B 18 (mười tám) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn B cho Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Đồi, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.11. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức J 15 (mười lăm) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức J cho Ủy ban nhân dân xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.12. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn K 15 (mười lăm) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi tháng) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn K cho Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.13. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tăng Xuân M 15 (mười lăm) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tăng Xuân M cho Ủy ban nhân dân xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.14. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 15 (mười lăm) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.15. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Q 15 (mười lăm) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Bá Q cho Ủy ban nhân dân xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.16. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quốc O 15 (mười lăm) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Quốc O cho Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.17. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Trung R 15 (mười lăm) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lương Trung R cho Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.18. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đức D 15 (mười lăm) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Đức D cho Ủy ban nhân dân xã An Tiến, huyện An Lão, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.19. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt

bị cáo Nguyễn Hoàng P 15 (mười lăm) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng P cho Ủy ban nhân dân xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.20. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Anh S 12 (mười hai) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Anh S cho Ủy ban nhân dân thị trấn An Lão, huyện An Lão, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

1.21. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Trường Thọ, huyện An Lão, Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu những người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị S đội được giao

giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị S đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị S đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ đựng chai thủy tinh bằng nhựa màu xanh nhãn Pepsi, trong chứa 10 vỏ chai thủy tinh nhãn hiệu Sting sử dụng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng.

Tịch sung quỹ nhà nước một xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển kiểm soát 15D1-398.04 của bị cáo Tăng Xuân F đã sử dụng vào việc phạm tội vẫn còn giá trị sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đối với các bị cáo Nguyễn Đức J, Nguyễn Bá Q, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Đăng G, Đỗ Văn T, Phạm Quốc O, Nguyễn Văn N, Lê Đức L, Trần Văn K chưa đủ 18 tuổi thì người đại diện hợp pháp của các bị cáo nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm thay các bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo dưới 18 tuổi có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo dưới 18 tuổi, người bào chữa cho bị cáo dưới 18 tuổi, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 - TANDTC
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06, PC10 Công an TP.Hải Phòng;
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm A Hùng - Cao Thị Hạ

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 - TANDTC
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06, PC10 Công an TP. Hải Phòng;
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Kim Dung - Cao Thị Hạ

Đặng Hồ Điệp

1. Bị cáo C **27** tháng tù, tổng hợp 24 tháng tù của bản trước là 51 tháng tù.
2. Bị cáo Hoàng Anh 18 tháng tù.
3. Bị cáo A **30** tháng tù nhưng cho hưởng án treo

4. Bị cáo Nguyễn Đăng G 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
5. Bị cáo Tăng Xuân F 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
6. Bị cáo Lê Đức L 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
7. Bị cáo Nguyễn Văn I 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
8. Bị cáo Đỗ Minh E 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
9. Bị cáo Phạm Thế Đ 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
10. Bị cáo Phạm Vân B 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
11. Bị cáo Nguyễn Đức J 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
12. Bị cáo Trần Văn K 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
13. Bị cáo Tăng Xuân M 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
14. Bị cáo Nguyễn Văn N 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
15. Bị cáo Nguyễn Bá Q 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
16. Bị cáo Phạm Quốc O 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
17. Bị cáo Lương Trung R 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
18. Bị cáo Bùi Đức D 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
19. Bị cáo Phạm Anh S 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo
20. Bị cáo Đỗ Văn T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.